TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST Ngày 29 - 12 - 2025 V/v yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Vân.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Y Kim Kriêng.
2. Ông Vũ Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỷ - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk tham gia phiên toà*:** Bà Phàng Thị Quỳnh Như – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 54/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025, về việc: *Yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn,* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số AD TM, khu phố P, phường TH, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ, gửi văn bản: Số 09 đường Nguyễn Văn T, Nhà B, thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt (anh Nguyễn Ngọc L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Lê Thị Cẩm A, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ dân phố E, xã P, tỉnh Đắk Lắk (nay là thôn E, xã P, tỉnh Đắk Lắk).

Địa chỉ liên hệ: Số F đường Nguyễn X, phường L, thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt (chị Lê Thị Cẩm A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc L và chị Lê Thị Cẩm A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh

Bình Thuận vào ngày 11/3/2011. Sau khi chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được và kéo dài khiến tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2014 đến nay. Vì vậy, anh Nguyễn Ngọc L yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với chị Lê Thị Cẩm A.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Lê Diệp K, sinh ngày 21/4/2010, anh Nguyễn Ngọc L đồng ý giao con cho chị Lê Thị Cẩm A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Ngọc L và chị Lê Thị Cẩm A tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc L và chị Lê Thị Cẩm A không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Thị Cẩm A quá trình giải quyết vụ án, đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Ngọc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận vào ngày 11/3/2011. Sau thời gian chung sống chúng tôi bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, xảy ra mâu thuẫn không thể giải quyết được và mâu thuẫn kéo dài khiến tình cảm vợ chồng không còn, chúng tôi đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Tôi thấy chúng tôi không thể cùng chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn cho chúng tôi.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Nguyễn Lê Diệp K, sinh ngày 21/4/2010, hiện nay con vẫn ở với tôi nên tôi yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Tôi và anh Nguyễn Ngọc L tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và anh Nguyễn Ngọc L không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Ngọc L, chị Lê Thị Cẩm A đều có đơn đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử vụ án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại các Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh L:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn Ngọc L được ly hôn với chị Lê Thị Cẩm A.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Diệp K, sinh ngày 21/4/2010, cho chị Lê Thị Cẩm A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Ngọc L và chị Lê Thị Cẩm A tự thoả thuận, đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc L và chị Cẩm A không có tài sản chung, nợ chung đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và quy định về thẩm quyền của Toà án nhân dân khu vực.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại các Điều 227, 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Anh Nguyễn Ngọc L và chị Lê Thị Cẩm A kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận vào ngày 11/3/2011 (nay là Uỷ ban nhân dân xã N, tỉnh Lâm Đồng), quan hệ hôn nhân là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét lời trình bày của anh L, chị Cẩm A đều thừa nhận quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn là có cơ sở, thực tế anh L và chị Cẩm A đã không còn chung sống, ly thân từ năm 2014 đến nay. Do đó, có căn cứ xác định, cuộc sống hôn nhân giữa anh L và chị Cẩm A xảy ra mâu thuẫn là có thật và kéo dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh L là có căn cứ, cần chấp nhận cho anh L được ly hôn với chị Cẩm A là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Anh L và chị Cẩm A có một người con chung là Nguyễn Lê Diệp K, sinh ngày 21/4/2010. Từ khi không còn chung sống, chị Cẩm A là người trực tiếp nuôi con, cháu Diệp K có mong muốn được ở với chị Cẩm A, nên để đảm bảo con ổn định nơi sinh sống và học tập cần chấp nhận giao con chung cho chị Cẩm A được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L và chị Cẩm A tự thoả thuận, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh L, chị Cẩm A không có tài sản chung, nợ chung đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a

khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc L được ly hôn với chị Lê Thị Cẩm A.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Diệp K, sinh ngày 21/4/2010 cho chị Lê Thị Cẩm A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Ngọc L và chị Lê Thị Cẩm A tự thoả thuận, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Ngọc L và chị Lê Thị Cẩm A không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002494 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện khu vực 8 – Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực K – Đắk Lắk;
- UBND xã N, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân